



mǔ qīn
母亲

Noun · mother

Example Sentences

wǒ de mǔ qīn hěn ài wǒ

我的母亲很爱我。

My mother loves me very much.

wǒ de mǔ qīn shì yī wèi yī shēng

我的母亲是一位医生。

My mother is a doctor.

wǒ mǔ qīn xià gè yuè yào lái běi jīng kàn wàng wǒ

我母亲下个月要来北京看望我。

My mother is coming to Beijing to visit me next month.

Trace each character, then write the word on your own.

母	母	母	母	母	母	母	母				
亲	亲	亲	亲	亲	亲	亲	亲	亲	亲	亲	亲
亲											